

Số: *18*/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 20 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức trong các cơ quan,
tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Xét Tờ trình số 9283/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 206/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2018 như sau:

1. Tổng biên chế 3.615 người, trong đó:

a) Biên chế trong các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh: 1.928 người;

b) Biên chế trong các cơ quan cấp huyện: 1.683 người;

c) Biên chế dự phòng: 04 người.

2. Biên chế cụ thể trong các cơ quan Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện (*có biểu kèm theo*).

Điều 2. Thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về số lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (*hưởng lương trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị*

quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh) tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện năm 2018 là 298 người.

Điều 3. Ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức khi có quyết định của Bộ Nội vụ giao biên chế công chức năm 2018 cho tỉnh Nghệ An nếu khác so với số biên chế Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao và khi sử dụng biên chế dự phòng.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Nội vụ (đề b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NGHỆ AN NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số **18/NQ-HĐND** ngày **20** tháng 12 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Đơn vị	Biên chế công chức	Ghi chú
A	Tổng giao	3611	
I	Các sở, ban, ngành	1928	
1	Sở Kế hoạch- Đầu tư	65	
2	Sở Tài chính	87	
3	Sở Giáo dục - Đào tạo	76	
4	Sở Y tế	46	
5	Sở Công thương	62	
6	Sở Giao thông – Vận tải	48	
7	Sở Xây dựng	53	
8	Sở Tài nguyên - Môi trường	64	
9	Sở Tư pháp	42	
10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	64	
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65	
12	Sở Khoa học và Công nghệ	24	
13	Sở Văn hoá và Thể thao	53	
14	Sở Du lịch	20	
15	Sở Nội vụ	39	
16	Sở Thông tin và Truyền thông	30	
17	Thanh tra tỉnh	52	
18	Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh	81	
19	Sở Ngoại vụ	18	
20	Ban Dân tộc	32	
21	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	35	
22	Ban quản lý Khu Kinh tế Đông Nam	38	
23	Vườn Quốc gia Pù Mát	54	
24	Thanh tra Giao thông vận tải	35	Ngoài ra có 15 HĐ theo QĐ 1158/QĐ-UBND của UBND tỉnh;
25	Văn phòng Ban an toàn giao thông	6	
26	Thanh tra Xây dựng	13	
27	Ban Tôn giáo	20	
28	Ban Thi đua Khen thưởng	13	
29	Chi cục Văn thư Lưu trữ	7	
30	Chi cục Quản lý thị trường	112	
31	Chi cục Kiểm lâm	319	
32	Văn phòng Chi cục chăn nuôi và Thú y	20	

33	VP Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	30	
34	Văn phòng Chi cục Thủy Lợi	26	
35	Chi cục Thủy sản	34	
36	VP điều phối CTMTQG XD Nông thôn mới	5	
37	VP Chi cục phát triển nông thôn	20	
38	Chi cục QLCL nông lâm sản và Thủy sản	12	
39	Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống	12	
40	Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt	12	
41	Chi cục bảo vệ môi trường	19	
42	Chi cục tiêu chuẩn, đo lường - chất lượng	17	
43	Chi cục Dân số- Kế hoạch hoá gia đình	21	
44	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	18	
45	Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội	9	
II	Các cơ quan cấp huyện	1683	
1	CQ HĐND - UBND thành phố Vinh	151	
2	CQ HĐND - UBND thị xã Cửa Lò	67	
3	CQ HĐND - UBND thị xã Hoàng Mai	69	
4	CQ HĐND - UBND thị xã Thái Hoà	69	
5	CQ HĐND- UBND huyện Quỳnh Lưu	79	
6	CQ HĐND - UBND huyện Nghĩa Đàn	79	
7	CQ HĐND - UBND huyện Diễn Châu	87	
8	CQ HĐND- UBND huyện Yên Thành	80	
9	CQ HĐND - UBND huyện Nghi Lộc	81	
10	CQ HĐND - UBND huyện Nam Đàn	81	
11	CQ HĐND - UBND huyện Hưng Nguyên	78	
12	CQ HĐND-UBND huyện Thanh Chương	80	
13	CQ HĐND - UBND huyện Đô Lương	79	
14	CQ HĐND - UBND huyện Anh Sơn	75	
15	CQ HĐND - UBND huyện Con Cuông	73	
16	CQ HĐND - UBND h. Tương Dương	75	
17	CQ HĐND - UBND huyện Kỳ Sơn	80	
18	CQ HĐND - UBND huyện Tân Kỳ	76	
19	CQ HĐND - UBND huyện Quỳnh Hợp	77	
20	CQ HĐND - UBND huyện Quỳnh Châu	74	
21	CQ HĐND- UBND huyện Quế Phong	73	

HĐND TỈNH NGHỆ AN